

Bình Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2019

Số: 366/BC-ĐDBQH

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT**  
**Chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại**  
**trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Dương”**  
**Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2019**

Thực hiện Nghị quyết số 76/2019/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2020; Nghị quyết số 81/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em”, Kế hoạch số 36/KH-ĐGS ngày 22/7/2019 của Đoàn Giám sát về Kế hoạch chi tiết thực hiện giám sát chuyên đề và văn bản số 1963/VPQH-GS ngày 24/7/2019 của Văn phòng Quốc hội về báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

Ngày 09/8/2019, Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Dương đã ban hành Kế hoạch số 224/KH-ĐDBQH giám sát chuyên đề trên đối với UBND tỉnh<sup>1</sup>. Căn cứ nội dung báo cáo và tình hình thực tiễn của địa phương, Đoàn ĐBQH tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

**PHẦN I**  
**ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH TRẺ EM**  
**VÀ TÌNH HÌNH XÂM HẠI TRẺ EM**  
**TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Tình hình trẻ em**

Tính đến ngày 30.6.2019, tổng số trẻ em toàn tỉnh là 478.026 trẻ em, chiếm khoảng 20% dân số, trong đó, số trẻ em nam là 263.901 trẻ, số trẻ em nữ là 214.125 trẻ. Số trẻ em đang học mầm non, mẫu giáo và các cấp học phổ thông là 458.414 trẻ. Có 94 trẻ trong độ tuổi đi học nhưng không được đến trường. Số lượng trẻ em bỏ nhà đi lang thang, không có nơi cư trú ổn định là 09 em. 3.391 trẻ có cha, mẹ ly hôn; 2.043 trẻ có hoàn cảnh đặc biệt; không có trẻ em phải tham gia lao động trái pháp luật.

Do thực hiện theo đề cương báo cáo giám sát của Đoàn giám sát, trong đó không yêu cầu phân loại trẻ em là con em lao động từ các địa phương khác đến tỉnh Bình Dương sinh sống và làm việc nên UBND tỉnh đã không có thống kê

<sup>1</sup> Kế hoạch yêu cầu UBND tỉnh báo cáo về Đoàn ĐBQH tỉnh trước ngày 06/9. Tuy nhiên, đến ngày 30/10/2019, Đoàn ĐBQH tỉnh mới nhận được báo cáo của UBND tỉnh mặc dù sau ngày 06/9, Đoàn ĐBQH tỉnh đã liên hệ và đôn đốc thực hiện. Thời gian từ 20/10 đến 27/11/2019 Đoàn ĐBQH tỉnh tham dự kỳ họp thứ 8 tại Hà Nội nên không thể hoàn thành báo cáo đúng thời hạn theo yêu cầu. Trân trọng báo cáo Đoàn giám sát.



phân loại, trong khi tỉnh Bình Dương và nhiều tỉnh, thành phố phát triển công nghiệp, thu hút một lượng lớn người lao động từ các tỉnh, thành khác trong cả nước về sinh sống, làm việc và đem theo con em đi cùng. Đoàn ĐBQH tỉnh thiết nghĩ cần phải có sự phân loại trên vì hoàn cảnh, điều kiện sống của trẻ em tại chỗ và trẻ em tạm trú khá khác nhau, từ đó tác động rất lớn đến các nguy cơ đe dọa an toàn cuộc sống của trẻ, trong đó có nguy cơ bị xâm hại; đồng thời việc phân loại đối tượng trẻ em sẽ góp phần bảo đảm công tác xây dựng chính sách phù hợp với từng nhóm trẻ em nhằm tạo những điều kiện tốt nhất để trẻ em phát triển.

## **2. Tình hình trẻ em bị xâm hại**

Trong giai đoạn giám sát, toàn tỉnh xảy ra 184 vụ xâm hại trẻ em (*phụ lục 1*), trung bình mỗi năm có 46 vụ, trong đó hành vi xâm hại tình dục chiếm đa số với 173 trẻ em bị xâm hại<sup>2</sup>, hầu hết là trẻ em nữ, không có vụ xâm hại tình dục trẻ em nam. Độ tuổi trẻ em bị xâm hại nhiều nhất từ 13 đến dưới 16 tuổi (116 trẻ, chiếm 63% số trẻ em bị xâm hại). Qua quan sát từ các khu nhà trọ, độ tuổi này của trẻ em tạm trú có nguy cơ cao bị xâm hại vì rất nhiều trường hợp cha mẹ đi làm và để trẻ ở nhà một mình mà không có người quan sát, trông coi trẻ; đồng thời những đứa trẻ này cũng thiếu những kỹ năng cần thiết để tự bảo vệ do cha mẹ không có thời gian lẫn kiến thức để giáo dục, hướng dẫn và giải thích.

Về bạo lực học đường, từ 01/01/2015 đến ngày 30/6/2019 trên địa bàn tỉnh Bình Dương xảy ra 123 vụ, xâm hại ảnh hưởng đến 615 người, làm chết 01 người, bị thương 23 người, còn lại chủ yếu là bị tổn hại về mặt tinh thần hoặc gây xây xước da nhẹ, không đáng kể. Về tính chất, chủ yếu là đánh nhau gây rối giữa các học sinh với nhau; đối tượng vi phạm và nạn nhân chủ yếu là học sinh; các đối tượng vi phạm mang tính bộc phát, ít tái phạm; số học sinh nữ tham gia vào các vụ việc bạo lực học đường có biểu hiện tăng theo từng năm. Phần lớn các vụ việc xảy ra không nghiêm trọng nên nhà trường chỉ cảnh cáo, nhắc nhở, phối hợp với gia đình quản lý.

## **PHẦN II VIỆC BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN VỀ PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM**

### **1. Kết quả đạt được.**

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và Nghị quyết của HĐND tỉnh, từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2019, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành 41 văn bản liên quan đến trẻ em, trong đó có 07 Quyết định, 12 Kế hoạch và 22 Công văn (*phụ lục 2*). Nhìn chung, các văn bản này cơ bản bảo đảm thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phòng,

<sup>2</sup> 173 trẻ em bị xâm hại tình dục; 03 trẻ em bị giết; 01 trẻ em bị gây thương tích; 02 trẻ em bị hành hạ, bạo lực; 01 trẻ em bị mua bán; 02 trẻ em bị cướp giật, lừa đảo; 02 trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt.



chống xâm hại trẻ em, có xem xét bảo đảm tính phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống xâm hại trẻ em.

## **2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc**

Qua giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh nhận thấy sự phối hợp giữa các cơ quan ban ngành trong thực hiện các văn bản, chính sách về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em hiệu quả chưa cao; công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách liên quan đến trẻ em một số nơi còn lúng túng; chưa lựa chọn các nội dung giám sát, phản biện trọng tâm, mang tính hình thức, thụ động, chưa rõ vai trò của chủ thể phản biện xã hội. Pháp luật về bảo vệ trẻ em còn nhiều khoảng trống, chưa có quy định cụ thể về bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng; chưa có quy định đặc biệt trong trường hợp nhận tố giác từ trẻ em. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa có cơ chế để công nhận kết quả giám định pháp y đối với trường hợp bị xâm hại tình dục theo yêu cầu của gia đình bị hại nên trong trường hợp các cơ quan điều tra, xét xử chưa thực hiện trung cầu kịp thời, hoặc trường hợp nạn nhân bị đe dọa, phát hiện vụ việc muộn thì không có kết quả giám định kịp thời, mất đi nguồn chứng cứ quan trọng.

## **3. Đánh giá chung về công tác ban hành chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Trong giai đoạn 2015 - 2019, UBND tỉnh Bình Dương đã luôn quan tâm chỉ đạo ban hành nhiều văn bản về lĩnh vực công tác trẻ em nói chung, phòng chống xâm hại trẻ em nói riêng; lồng ghép các mục tiêu về trẻ em vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của tỉnh.

Trên cơ sở các văn bản của UBND, các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình đã xây dựng các chương trình, kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn ngành dọc tại các địa phương thực hiện tốt công tác trẻ em trên địa bàn. Cấp ủy Đảng, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố đã cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và tỉnh, đã xây dựng Chương trình, kế hoạch bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em hàng năm và từng giai đoạn sát thực, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương. Đồng thời, hướng dẫn xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em tại cơ sở, đặc biệt là công tác phòng, chống xâm hại, bạo lực trẻ em.

Với sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền, địa phương đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động đối với công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, qua đó tạo điều kiện để trẻ em được chăm sóc, bảo vệ, giúp đỡ, trợ giúp về sức khỏe, học tập, vui chơi giải trí, phát triển tài năng và hòa nhập cộng đồng, xã hội.



#### **4. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và một số Bộ ngành liên quan tuy đã được quan tâm hơn nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến công tác phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em còn có nhiều khoảng trống. Các văn bản pháp luật hiện hành quy định mức xử phạt hành chính đối với hành vi xâm hại trẻ em chưa đủ sức răn đe; chưa đưa ra được định nghĩa chính thức về các hình thức dâm ô với trẻ em; thiếu các quy trình và hướng dẫn cụ thể về hỗ trợ và bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng của bạo lực, xâm hại; chưa quy định chi tiết về bảo mật thông tin, bảo vệ người tố giác, về các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em và trách nhiệm của các ban ngành trong tiếp nhận, xử lý, can thiệp, hỗ trợ, phục hồi cho trẻ em khi bị bạo lực, xâm hại. Do đó, chưa khuyến khích được nhân dân tích cực phát giác, tố giác tội phạm, gây khó khăn trong việc thực thi pháp luật đối với tội phạm bạo lực, xâm hại trẻ em.

Trong quy định về thủ tục điều tra, truy tố, xét xử các vụ án bạo lực, xâm hại trẻ em chưa chú trọng đầy đủ đặc tính dễ bị tổn thương của trẻ em bị xâm hại tình dục, khiến trẻ em cảm thấy căng thẳng, sợ hãi khi tham gia tố tụng và không sẵn sàng hợp tác với các cơ quan thi hành pháp luật.

Chính phủ vẫn chưa quy định cơ chế phối hợp hoạt động và chia sẻ thông tin giữa các Bộ, ngành Trung ương và giữa các sở, ngành địa phương trong công tác phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; chưa có cơ chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan y tế, giáo dục, tư pháp với cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em để kịp thời phát hiện và xử lý các vụ bạo lực, xâm hại trẻ em hoặc hỗ trợ, bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng của các hành vi bạo lực, xâm hại trước, trong và sau quá trình tố tụng.

Cán bộ cấp xã làm công tác trẻ em chủ yếu do công chức Lao động - Người có công và Xã hội kiêm nhiệm, phần nào làm hạn chế trong việc thu thập thông tin về trẻ em nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở nhiều địa phương, làm ảnh hưởng đến việc tổng hợp số liệu để đánh giá, xây dựng kế hoạch phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em tại địa bàn các địa phương.

### **PHẦN III VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM**

#### **1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng, chống xâm hại trẻ em**



### **1.1. Kết quả đạt được**

Trong những năm qua, các sở, ban, ngành có liên quan (Lao động – Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tư pháp; Đài PT-TH Bình Dương) phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức tập huấn nâng cao năng lực tuyên truyền các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em và các kỹ năng hỗ trợ can thiệp trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, bạo lực bị bỏ rơi. Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề nâng cao nhận thức và kỹ năng thực hiện quyền tham gia của trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng, duy trì hoạt động các Câu lạc bộ tại các khu, ấp của các huyện, thị xã, thành phố. Các hoạt động bảo vệ, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như: hoạt động trợ giúp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật; hoạt động phòng ngừa, trợ giúp trẻ em lang thang, trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với các chất độc hại; hoạt động phòng ngừa trợ giúp trẻ em bị xâm hại tình dục, bị bạo lực; hoạt động phòng ngừa, trợ giúp người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

Qua tuyên truyền, nhận thức của người dân cơ bản được nâng lên, đồng thời vấn đề trẻ em bị xâm hại hiện nay được cả xã hội quan tâm, qua các phương tiện thông tin đại chúng, được biết qua các vụ xâm hại điển hình nên người dân đã ý thức hơn trong việc bảo vệ con em mình. Đặc biệt là trẻ em được trang bị nhiều kỹ năng để tự bảo vệ mình, các em cơ bản biết nhận diện những nguồn nguy hiểm có thể xảy ra với mình mà tìm cách tránh xa. Các buổi tuyên truyền đã cung cấp những kiến thức cần thiết nhằm phối hợp hiệu quả “3 liên kết”: Gia đình, nhà trường và xã hội trong việc chủ động tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi xâm hại tình dục trẻ em, góp phần xây dựng môi trường sống an toàn cho trẻ tại gia đình, trường học và cộng đồng, giảm nguy cơ trẻ em bị xâm hại. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhận thức được các chính sách, pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em. Đa số học sinh được giáo viên trang bị các kỹ năng tự bảo vệ bản thân, kỹ năng nhờ người khác hỗ trợ khi gặp nguy hiểm.

### **1.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc**

Công tác tuyên truyền đôi lúc chưa được thường xuyên, nội dung tuyên truyền thiếu liên hệ thực tiễn; việc cung cấp thông tin cũng như hoạt động phối hợp giữa các cơ quan, đoàn thể với cơ quan báo chí nhằm xây dựng kế hoạch tuyên truyền chưa được thực hiện thường xuyên, làm giảm hiệu quả tuyên truyền; nhận thức của một bộ phận người dân về công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em còn hạn chế. Nhiều phụ huynh thiếu kiến thức và kỹ năng chăm sóc, giáo dục con trẻ, chưa quan tâm đến con, không thường xuyên theo dõi,



nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, diễn biến tâm lý, tình cảm của con để kịp thời giúp đỡ, uốn nắn những hành vi lệch lạc.

Ngoài ra, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chưa thật sự quan tâm đúng mức đến công tác phòng ngừa xã hội; cán bộ làm nhiệm vụ tuyên truyền chưa có kinh nghiệm, kỹ năng, do đó thiếu đầu tư cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Việc huy động đối tượng tham dự công tác tuyên truyền gặp rất nhiều khó khăn.

## **2. Công tác xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh nhằm phòng, chống xâm hại trẻ em**

### **2.1. Những kết quả đạt được**

***\*Việc xây dựng môi trường gia đình an toàn, lành mạnh, nhằm phòng, chống bạo lực gia đình và các hình thức khác xâm hại trẻ em.***

Nhận thức việc xây dựng môi trường gia đình an toàn, lành mạnh là một trong những biện pháp quan trọng và hữu hiệu nhất trong phòng, chống xâm hại trẻ em nên trong những năm qua, các hoạt động liên quan đến gia đình văn hóa luôn được các ngành chức năng liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện. Tỷ lệ gia đình văn hóa, ấp, khu văn hóa của tỉnh luôn đạt hơn 90%, đời sống văn hóa được nâng lên, các tệ nạn xã hội được phát hiện, ngăn chặn, xử lý nhất là công tác phòng, chống bạo lực gia đình và các hình thức xâm hại trẻ em. Kiểm định 80.000 ngôi nhà có trẻ em dưới 10 tuổi, kết quả đạt 75 % ngôi nhà an toàn phòng chống tai nạn thương tích trẻ em. Duy trì 100% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

***\* Việc xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường nhằm phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em.***

Thực hiện các quy định của pháp luật, các đơn vị trường học trong tỉnh xây dựng kế hoạch phòng, chống bạo lực học đường và tăng cường các giải pháp đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện bằng nhiều biện pháp; kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng chống tai nạn thương tích trong nhà trường; duy trì tổ chức hoạt động sinh hoạt 28 câu lạc bộ trẻ em với phòng chống tai nạn thương tích trẻ em tại 9 huyện, thị xã, thành phố.

Trong xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục đã bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, 100% đơn vị, trường học bảo đảm an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy, nổ, thiên tai...

***\* Việc xây dựng môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, nhằm phòng, chống xâm hại trẻ em***



Thông qua các đoàn thể chính trị xã hội, khu dân cư và nhà trường đã kịp thời nắm bắt thông tin ngăn chặn, phòng, chống xâm hại trẻ em; bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin, truyền thông; đồng thời việc bảo vệ hình ảnh, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân về thư tín, viễn thông và các hình thức trao đổi, lưu giữ thông tin cá nhân từng bước được quản lý, kiểm soát, bảo vệ góp phần phòng, chống xâm hại trẻ em.

UBND tỉnh đã chỉ đạo một số ngành có liên quan phối hợp với các đoàn thể chính trị xã hội trong công tác quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ trẻ em tìm kiếm, thu nhận và phổ biến thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trên các kênh thông tin, truyền thông phù hợp với độ tuổi, nhu cầu, năng lực của trẻ em thông qua Tháng hành động vì trẻ em, Diễn đàn trẻ em, qua Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên các cấp...

Các ngành chức năng đã quản lý, kiểm tra chặt chẽ việc cấp phép các cơ sở kinh doanh dịch vụ như trò chơi điện tử trên Internet, bắt buộc quy định thời gian, ngăn chặn một số trang mạng xấu, không phù hợp với trẻ em dẫn đến nghiện các trò chơi, vi phạm pháp luật.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, nhất là các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, lễ hội, quảng cáo, trò chơi điện tử không kết nối mạng. Qua các đợt thanh tra, kiểm tra chưa phát hiện vi phạm trong việc xây dựng các chương trình, sản phẩm văn hóa trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, hoạt động du lịch có ảnh hưởng xấu đến trẻ em.

Trong quản lý các hoạt động vui chơi, giải trí, phòng, chống xâm hại trẻ em, hàng năm, các Sở ngành tỉnh và các địa phương tuyên truyền phổ biến tới các doanh nghiệp du lịch tại địa phương về cách thức phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em trong hoạt động du lịch; theo dõi để ngăn ngừa vấn đề mại dâm trẻ em liên quan đến du lịch; tuyên truyền tại các điểm du lịch nhạy cảm; khuyến khích các đơn vị du lịch thực hiện chính sách quản lý chặt chẽ, vận dụng nghiệp vụ linh hoạt trong hoạt động bảo vệ trẻ em khỏi bị tác động của xâm hại tình dục trong hoạt động du lịch. Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh Bình Dương không xảy ra trường hợp trẻ em bị xâm hại tình dục trong hoạt động du lịch.

Về quản lý, hướng dẫn để trẻ em không bị bắt buộc lao động trái quy định của pháp luật về lao động, hàng năm, Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực thi Bộ luật Lao động tại các doanh nghiệp nhằm kịp thời xử lý các trường hợp sử dụng trẻ em lao động trái quy định của pháp luật lao động. Kết quả đã lồng ghép trong các cuộc thanh tra tại 520 doanh nghiệp thực hiện pháp luật lao động tại các



doanh nghiệp, cơ sở giáo dục. Qua các cuộc thanh tra chưa phát hiện các doanh nghiệp sử dụng lao động trẻ em.

## **2.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc**

Qua giám sát nhận thấy việc quản lý các trang mạng thông tin, các cơ sở dịch vụ Internet còn gặp nhiều khó khăn, nhất là trẻ em ở các khu nhà trọ, thiếu người quan tâm, giám sát nên ngoài giờ học, các em thường tụ tập tại các điểm Internet, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe, học tập và nhiều nguy cơ tiềm ẩn bị xâm hại. Các thiết chế văn hóa, thông tin và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em ở địa phương còn rất hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ em. Việc tổ chức các hoạt động để trẻ em tham gia, góp ý như diễn đàn, tọa đàm... được quan tâm tổ chức nhưng hiệu quả chưa cao. Công tác phối, kết hợp giữa các ngành, các cấp chưa chặt chẽ, đồng bộ.

Kinh phí đầu tư cho các thiết chế văn hóa, thông tin và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em ở cơ sở còn hạn chế, một số địa phương chưa có khu vui chơi giải trí dành cho trẻ em; cấp tỉnh cũng chưa có cung văn hóa thiếu nhi.

## **3. Công tác hỗ trợ, can thiệp khi trẻ em có nguy cơ bị xâm hại hoặc bị xâm hại**

### **3.1. Kết quả đạt được**

*- Công tác hỗ trợ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại*

Toàn tỉnh hiện nay có 7.131 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Qua đó, đã hỗ trợ hàng tháng cho 721 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn<sup>3</sup>, hỗ trợ 50.000 lượt trẻ em có hoàn cảnh khó khăn (tặng quà, trao học bổng, tặng xe đạp, máy vi tính, phẫu thuật tim miễn phí) từ nguồn Quỹ bảo trợ trẻ em vận động, nhằm động viên, khuyến khích, đặc biệt là tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng giúp các em ổn định tâm lý vươn lên trong cuộc sống.

Số trẻ em có nguy cơ bị xâm hại được áp dụng biện pháp hỗ trợ tư vấn kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ; tham vấn, tư vấn cho trẻ có nguy cơ bị bạo lực và gây ra bạo lực nhằm ngăn chặn, loại bỏ nguy cơ xảy ra bạo lực. Việc hỗ trợ cho các em tuy không nhiều nhưng phần nào giúp các em tự tin hơn, giảm bớt khó khăn cho các em trong cuộc sống, tránh nguy cơ bị xâm hại.

*- Công tác can thiệp khi trẻ em bị xâm hại*

Khi có thông tin trẻ em bị xâm hại, chính quyền địa phương và các ngành liên quan thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tạm thời cho trẻ em trong tình trạng khẩn cấp; đồng thời xây dựng kế hoạch can thiệp, trợ giúp trẻ em bị

<sup>3</sup> Theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ



xâm hại. Vì vậy, trẻ em bị xâm hại ổn định được tinh thần, gia đình trẻ em cũng bình tĩnh và cung cấp thông tin để cơ quan điều tra xử lý vụ việc đúng quy định của pháp luật.

### **3.2. Tôn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

Việc tiếp nhận thông tin trẻ em bị xâm hại còn chậm, do đó việc áp dụng các biện pháp can thiệp còn chưa kịp thời. Đội ngũ cán bộ, công chức chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về trẻ em còn thiếu và hạn chế phần nào về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ nên ảnh hưởng nhất định đến công tác hỗ trợ, can thiệp khi trẻ em có nguy cơ bị xâm hại hoặc bị xâm hại; đồng thời với đặc thù là tỉnh có tốc độ phát triển công nghiệp nhanh, trẻ em từ các nơi khác theo ba mẹ đến Bình Dương sinh sống và làm việc khá lớn nên công tác hỗ trợ, can thiệp cũng còn những hạn chế nhất định, đặc biệt chưa có sự phân loại đối tượng này nên chưa có những biện pháp riêng trong hỗ trợ, can thiệp khi trẻ có nguy cơ bị xâm hại.

## **4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về phòng, chống xâm hại trẻ em**

### **4.1. Kết quả đạt được**

Về thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, ngành chức năng thường xuyên quán triệt, tập huấn Công an các đơn vị, địa phương kiến thức pháp luật liên quan đến quyền, nghĩa vụ của trẻ em nhằm thực hiện tốt các mặt công tác trong phòng ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm liên quan đến việc thực hiện quyền trẻ em; tăng cường quản lý các nhóm trẻ tự phát; rà soát việc cấp giấy phép hoạt động, qua kiểm tra đã kiên quyết xử lý, thu hồi giấy phép của các cơ sở không đủ điều kiện hoạt động. Thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn, đặc biệt là các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (cơ sở vật chất trường, lớp, đồ dùng, đồ chơi, chương trình, tài liệu, trình độ đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo theo quy định; phòng tránh bạo hành trẻ; an toàn thực phẩm; công tác phòng cháy chữa cháy; việc thực hiện đóng BHXH, BHYT cho giáo viên, nhân viên; việc thành lập tổ chức công đoàn trong các trường mầm non ngoài công lập theo quy định).

Thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục trong việc bảo đảm quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Thường xuyên rà soát, phát hiện và xử lý kịp thời, thông qua công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em tại các cơ sở giáo dục và đơn vị trường học trên địa bàn tỉnh.



Về giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em, các trường hợp khiếu nại, tố cáo thông qua điện thoại đều được công chức phụ trách bảo vệ trẻ em thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tư vấn pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em, Luật Khiếu nại, tố cáo và kỹ năng phòng ngừa xâm hại trẻ em; đồng thời, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo cán bộ phụ trách trẻ em cấp xã xác minh báo cáo và chuyển thông tin đến các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. Hàng năm, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp các sở, ban ngành đoàn thể tổ chức các diễn đàn trẻ em, qua đó có 30 ý kiến, kiến nghị của trẻ em đã được lãnh đạo các Sở ngành, đoàn thể trả lời; đồng thời, tiếp thu kiến nghị của các em để đưa vào nội dung hoạt động của các chương trình, kế hoạch hàng năm.

#### **4.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc**

Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em chưa được thường xuyên. Những quy định pháp luật liên quan đến trẻ em còn chưa được hoàn thiện; chưa có quy định cụ thể về bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng; chưa có quy định đặc biệt trong trường hợp nhận tố giác từ trẻ em. Công tác phối hợp giữa các Sở ngành liên quan đôi lúc còn chậm, chưa đầy đủ.

### **5. Về xử lý vi phạm pháp luật và tội phạm xâm hại trẻ em**

#### **5.1. Kết quả đạt được**

Trong phạm vi giám sát, các cơ quan chức năng đã tiếp nhận 184 tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố liên quan đến tội phạm xâm hại trẻ em, qua đó đã làm rõ 183 vụ với 190 đối tượng; khởi tố, điều tra 180 vụ với 187 tội phạm xâm hại trẻ em.

#### **5.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc:**

Trong hầu hết các vụ xâm hại trẻ em, nạn nhân và đối tượng có mối quan hệ tình cảm nên trong quá trình làm việc, nạn nhân có tình che giấu cho đối tượng; một số nạn nhân có giấy khai sinh đăng ký trễ hạn hoặc thất lạc gây khó khăn trong quá trình xác định độ tuổi; thời gian xảy ra vụ việc và thời gian nạn nhân trình báo cách nhau xa, dẫn đến quá trình khám nghiệm hiện trường, thu thập chứng cứ không đáp ứng được yêu cầu điều tra; một số vụ việc chỉ có lời khai của nạn nhân tố giác đối tượng, không có người biết việc, không có người liên quan, đối tượng không thừa nhận, không thu thập được chứng cứ, dấu vết có liên quan, dẫn đến không chứng minh được tội phạm.

Trong quá trình giải quyết, đối tượng khắc phục hậu quả cho nạn nhân, làm cho nạn nhân và gia đình nạn nhân không tiếp tục cương quyết tố giác tội phạm, gây cản trở trong quá trình làm rõ tội phạm.

### **6. Công tác phối hợp phòng, chống xâm hại trẻ em**



## **6.1. Kết quả đạt được**

Thời gian qua, các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh đã thực hiện tốt việc phối hợp, định kỳ trao đổi, thống nhất những vấn đề còn ý kiến khác nhau về đánh giá chứng cứ, áp dụng luật nhằm giải quyết nhanh chóng, hiệu quả đúng người, đúng tội. Đồng thời hướng dẫn việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm xâm hại tình dục trẻ em và kiến nghị khởi tố được đúng pháp luật. Phối hợp Trung tâm giám định pháp y, các cơ sở y tế giám định các bộ phận cơ thể, các dấu vết, tổn thương do hành vi xâm hại gây ra. Phối hợp với ngành Tư pháp, Trung tâm trợ giúp pháp lý để tư vấn pháp lý và bảo đảm các quyền về tư pháp cho nạn nhân.

Lực lượng Cảnh sát hình sự thường xuyên phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật, phương thức thủ đoạn tội phạm xâm hại trẻ em để người dân nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ con em mình, hạn chế trẻ em bị xâm hại. Quá trình giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, lực lượng Cảnh sát hình sự đã phối hợp tốt với Viện kiểm sát và người đại diện của nạn nhân cùng tham gia ngay từ đầu. Trong trường hợp cần thiết, tiến hành phối hợp với cán bộ trợ giúp pháp lý, trợ giúp tâm lý (Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ...) tham gia trong quá trình làm việc để giúp ổn định tâm lý nạn nhân; phối hợp liên ngành chọn một số vụ án xâm hại trẻ em nhanh chóng đưa ra xét xử để răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Các Sở, ban ngành đoàn thể có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ triển khai có hiệu quả các hoạt động Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020. Từ đó xây dựng được môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện, thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền cơ bản của trẻ em; tuyên truyền, vận động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm nguy cơ trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; trợ giúp, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại để phục hồi, hoà nhập cộng đồng và cơ hội phát triển.

## **6.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc**

Công tác phòng ngừa xã hội hiệu quả chưa cao, việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật phục vụ phòng ngừa theo kế hoạch đề ra giữa lực lượng Công an và các ban ngành, đoàn thể các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở chưa được thường xuyên, chưa mạnh mẽ, nội dung, hình thức chưa phong phú.

Việc thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản trong phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em có nơi, có lúc thiếu quan tâm nên hiệu quả chưa cao, chưa đề ra các giải pháp đồng bộ giải quyết triệt để tình hình tội phạm xâm hại trẻ em.

Chưa có cơ chế để huy động và phân định trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể tham gia vào công tác phòng ngừa tội phạm xâm hại trẻ em, có ngành còn



xem đây là nhiệm vụ riêng của ngành Công an; vấn đề này gây khó khăn cho công tác phối hợp giữa lực lượng Công an với các ban, ngành, đoàn thể.

## **7. Công tác tổ chức, cán bộ, kinh phí bảo đảm cho phòng, chống xâm hại trẻ em**

### **7.1. Về tổ chức, cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em**

Ở cấp tỉnh, hiện nay, Phòng bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được bố trí 04 biên chế, trong đó: 01 phó Trưởng phòng phụ trách phòng, 03 cán bộ chuyên môn (trong đó, có 02 cán bộ chuyên trách về công tác trẻ em).

Ở cấp huyện, thị xã, thành phố có 01 lãnh đạo và 01 công chức phụ trách công tác trẻ em nhưng cũng đồng thời kiêm nhiệm các công tác khác như bình đẳng giới, cải cách hành chính, hoặc bảo trợ xã hội, chính sách người có công...

Ở cấp xã, phường, thị trấn, công tác quản lý trẻ em được giao cho cộng tác viên công tác xã hội hỗ trợ công chức Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách công tác trẻ em và 586 cộng tác viên bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới ở ấp, khu phố.

Bất cập hiện nay trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh là đội ngũ cán bộ, trong đó, 9/9 cán bộ phụ trách trẻ em cấp huyện đều hoạt động kiêm nhiệm và 91/91 xã, phường, thị trấn đều giao cho công chức Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, đã tổ chức trên 46 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho trên 3.460 lượt công chức, cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em với các nội dung về công tác quản lý nhà nước về trẻ em; Luật trẻ em; kỹ năng truyền thông; thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại...

Nhìn chung, đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực trẻ em có năng lực và trình độ chuyên môn, trách nhiệm trong công tác; tuy nhiên do nhiều việc, đôi khi xử lý chưa kịp thời, hiệu quả, đội ngũ cộng tác viên trẻ em đã được bố trí mỗi ấp một người, nhưng hoạt động chưa đều, còn một số người chưa thực sự nhiệt tình nên chưa nắm bắt kịp thời những vụ việc xảy ra với trẻ em nơi mình quản lý.

Về chế độ, chính sách, đội ngũ cộng tác viên bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới ở khu ấp hiện tại nhận được 0,5 mức lương cơ sở<sup>4</sup>.

<sup>4</sup> Theo Nghị Quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Quy định chế độ hỗ trợ đối với cộng tác viên bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới ở khu ấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương



## **7.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc**

Công chức Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã, phường, thị trấn với nhiệm vụ hiện nay đã quá tải công việc nên quản lý công tác trẻ em nói chung và công tác phòng, chống xâm hại trẻ em nói riêng chưa thực hiện đúng quy trình hỗ trợ can thiệp trợ giúp trẻ em theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP, việc nhập dữ liệu phần mềm quản lý trẻ em chưa được kịp thời.

## **8. Về tổ chức và hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em**

### **8.1. Kết quả đạt được**

Trên địa bàn tỉnh hiện có 11 cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập với chức năng, nhiệm vụ tiếp nhận, chăm sóc, trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh, trong đó bao gồm một phần nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em tại cơ sở.

Các cơ sở Bảo trợ xã hội được thành lập hiện nay sau khi đi vào hoạt động về cơ bản đã đảm bảo được các quy định và tiêu chuẩn trong việc chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội. Hiện tại, qua việc nắm bắt tình hình chưa phát hiện tình trạng buôn bán trẻ em, hay ngược đãi đối với các đối tượng. Tổng số trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội là 469 trẻ. Tại các cơ sở bảo trợ xã hội (nhất là các cơ sở của các tổ chức, cá nhân, chức sắc, tu sĩ, tôn giáo), các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt được nuôi dưỡng tốt, nguồn kinh phí nuôi dưỡng các đối tượng khá ổn định, mức nuôi dưỡng đối tượng bằng hoặc cao hơn mức ở Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh, có cơ sở còn có khả năng tự mua, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các cháu đang đi học. Các đối tượng bảo trợ xã hội (dù chưa có quyết định tiếp nhận) đều được chăm sóc khá tốt, được nuôi dưỡng trong môi trường lành mạnh về vật chất cũng như tinh thần. Nhiều đối tượng sau khi hòa nhập cộng đồng đã trở thành công dân tốt của xã hội.

Các cơ sở Bảo trợ xã hội đã xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất khá đảm bảo để chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng; tạo điều kiện cho nhiều trẻ em mồ côi, trẻ bỏ rơi, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt được curu mang nuôi dưỡng, được đến trường, được bước vào giảng đường của các trường Đại học, Cao đẳng hoặc học nghề (khoảng hơn 80 em).

### **8.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc**

Hoạt động của tổ chức, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cũng còn nhiều tồn tại, hạn chế nhất định. Trung tâm Bảo trợ xã hội của tỉnh với chức năng của một cơ sở trợ giúp tổng hợp với nhiều nhóm đối tượng khác nhau nên việc triển khai mô hình tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em chưa được đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả mang lại chưa cao. Các hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em chỉ



dừng lại ở phạm vi tại Trung tâm thông qua việc tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cho các cháu tại đây chưa bao phủ được hết đối tượng trẻ em bị xâm hại tại cộng đồng.

Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh về tập trung các đối tượng lang thang, ăn xin để làm trong sạch địa bàn, nhiều năm qua, Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh đã tiếp nhận rất nhiều đối tượng lang thang, ăn xin do các huyện, thị xã, thành phố bàn giao để nuôi dưỡng (trong đó có trẻ em), tuy nhiên theo quy định hiện nay, thời gian nuôi dưỡng tại cơ sở tối đa không quá 3 tháng, trên 50% đối tượng lang thang được nuôi dưỡng là người ngoài tỉnh, các tỉnh cũng xác định đối tượng là người của tỉnh mình nhưng không tiếp nhận về để nuôi dưỡng hoặc cho hòa nhập cộng đồng.

Bên cạnh đó, hồ sơ, thủ tục tiếp nhận đối tượng và kinh phí thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng<sup>5</sup> còn gặp nhiều vướng mắc về thủ tục dừng trợ giúp xã hội<sup>6</sup>; thẩm quyền, hồ sơ tiếp nhận đối tượng vào cơ sở trợ giúp xã hội<sup>7</sup>; kinh phí thực hiện việc chăm sóc nuôi các đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập<sup>8</sup>. Về mặt số lượng, trình độ chuyên môn của nhân viên chăm sóc đối tượng của một số cơ sở còn chưa đảm bảo theo Thông tư 33/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đặc biệt là đối với Trung tâm Bảo trợ xã hội của tỉnh, khi tỉnh đang thực hiện công tác tinh giản biên chế nhưng số lượng các đối tượng được tiếp nhận vào Trung tâm thì có xu hướng ngày càng tăng.

## **9. Về cơ sở vật chất, kinh phí bảo đảm cho công tác phòng, chống xâm hại trẻ em**

Kinh phí ngân sách địa phương bố trí cho sự nghiệp bảo vệ trẻ em từ năm 2015 đến năm 2019 là 69 tỷ đồng; trong đó, Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh vận động 35 tỷ đồng thăm hỏi, tặng quà nhân dịp ngày lễ, tết, và hỗ trợ đột xuất cho các em bị bạo lực, xâm hại (*phụ lục 3*).

<sup>5</sup> Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP

<sup>6</sup> Tại khoản c, mục 3 Điều 43 quy định thủ tục dừng trợ giúp xã hội “*cơ sở trợ giúp xã hội lập biên bản bàn giao đối tượng về gia đình, cộng đồng có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã*” hiện tại Trung tâm có nhiều đối tượng lang thang, bị bỏ rơi đã đủ điều kiện tái hòa nhập cộng đồng tuy nhiên các đối tượng này không có nơi cư trú ổn định nên không thể xác định được UBND cấp xã nơi đối tượng cư trú.

<sup>7</sup> theo quy định tại Điều 40 Nghị định 103/2017/NĐ-CP: hồ sơ tiếp nhận đối với cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện thì đơn vị, tổ chức nào sẽ thực hiện việc đề nghị tiếp nhận đối tượng vào cơ sở;

<sup>8</sup> Hiện nay, theo quy định tại Nghị định 103/2017/NĐ-CP thì thẩm quyền tiếp nhận là do người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội; do đó, việc này gây ra những khó khăn trong thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng (Quyết định tiếp nhận của Giám đốc Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập không đủ cơ sở để thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc cho các đối tượng). Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương kiến nghị Bộ sớm có hướng dẫn thực hiện.



Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho công tác phòng, chống xâm hại trẻ em chưa được trang bị đầy đủ và kịp thời. Các điểm hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em còn rất ít. Đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em chủ yếu là kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi.

#### **10. Các công tác khác thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở ngành liên quan phối hợp, tạo mọi điều kiện để Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội đồng Đội tỉnh (tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em) thực hiện nhiệm vụ liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em, đồng thời đã tổ chức đối thoại giữa Chủ tịch UBND tỉnh với đoàn viên, thanh thiếu niên và thiếu nhi để nghe tâm tư, nguyện vọng của các em để có giải pháp thực hiện có hiệu quả quyền trẻ em.

#### **11. Đánh giá chung việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Qua giám sát nhận thấy UBND tỉnh đã ban hành kịp thời, đầy đủ các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em; chỉ đạo các sở ban ngành tỉnh và các địa phương thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho trẻ em, trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trẻ em dân tộc thiểu số. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em có nguy cơ bị xâm hại. Qua đó nắm bắt, phát hiện kịp thời và có biện pháp ngăn chặn, xử lý; đồng thời chấn chỉnh những hạn chế, tháo gỡ vướng mắc khó khăn để thực hiện công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em ngày càng tốt hơn. Hằng năm, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em, các cộng tác viên trẻ em.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Việc quản lý, chăm sóc và bảo vệ trẻ em của một bộ phận gia đình có trẻ em chưa được tốt; tác động của xã hội và các trang mạng xã hội, Internet nên nguy cơ trẻ em bị xâm hại cao; chưa có quy trình tố tụng đặc biệt để xử lý tố giác, tin báo và giải quyết các vụ án xâm hại tình dục trẻ em. Điều đáng nói vẫn còn một số bộ phận người dân còn hạn chế trong nhận thức về việc tố cáo tội phạm xâm hại trẻ em do sợ kỳ thị, dị nghị...

### **PHẦN IV**

#### **GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM**

#### **I. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM**

##### **1. Giải pháp về thể chế, chính sách**



- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành tại địa phương, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu, trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quyền trẻ em. Bảo đảm trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh và thân thiện.

- Đề nghị nghiên cứu sửa đổi quy định về các tội phạm xâm hại tình dục trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự. Cụ thể: Bổ sung thêm “Tội quấy rối tình dục” vào Chương XII - Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người nhằm xử lý, ngăn chặn các hành vi quấy rối tình dục. Sớm có những quy định cụ thể về hành vi dâm ô để làm cơ sở cho việc truy tố tội danh dâm ô với người chưa đủ 16 tuổi. Có cơ chế để công nhận kết quả giám định pháp y đối với trường hợp bị xâm hại tình dục theo yêu cầu của gia đình người bị hại trong trường hợp các cơ quan điều tra, xét xử chưa thực hiện trung cầu kịp thời; có quy định cụ thể về bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng; chưa có quy định đặc biệt trong trường hợp nhận tố giác từ trẻ em.

- Nghiên cứu thành lập Toà án gia đình và người chưa thành niên trong hệ thống Tòa án nhân dân để việc xét xử đáp ứng yêu cầu bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của người chưa thành niên, đặc biệt khi người chưa thành niên là người bị hại trong các vụ án xâm hại tình dục.

- Nghiên cứu chính sách hỗ trợ vật chất và tinh thần cho những gia đình trẻ em bị xâm hại thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em khuyết tật bị xâm hại.

- Hiện tại, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về trẻ em. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về gia đình; trong khi gia đình, trẻ em và thanh niên có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng nhưng nhiệm vụ quản lý nhà nước lại bị tách rời như hiện tại sẽ gây nhiều khó khăn trong đầu mối quản lý và xử lý các vấn đề liên quan đến gia đình, trẻ em và thanh niên. Do đó, đề nghị nghiên cứu, xem xét thành lập Bộ Gia đình, Trẻ em, Thanh niên nhằm giải quyết có căn cơ những tồn tại, hạn chế trong quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em và thanh niên.

## **2. Giải pháp về tổ chức thực hiện**

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, Chiến lược Quốc gia về bảo vệ trẻ em giai đoạn 2013 - 2020 và nội dung các văn bản pháp luật như: Luật hình sự, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật bình đẳng giới, Luật hôn nhân và gia đình, Luật trẻ em. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật này phải có kế hoạch, chương trình cụ thể. Trong đó, chú trọng đến việc lồng ghép nội dung truyền thông phòng, chống xâm hại trẻ em vào trong sinh hoạt của khu, ấp; trong sinh hoạt ngoại khóa của các cấp học và sinh hoạt chuyên đề của các tổ chức, đoàn thể các



cấp. Hệ thống truyền thông cần phổ biến sâu rộng hơn nữa về quyền của trẻ em để mọi người nhận thức được tầm quan trọng và sự cấp thiết trong vấn đề bảo vệ trẻ em trước những cái xấu, độc hại. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người mẹ, cô giáo trong việc phòng chống xâm hại tình dục trẻ em. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực học đường, tệ nạn xã hội trong học đường cho học sinh và giáo viên nhà trường, từ đó, nâng cao kỹ năng tự phòng tránh cho trẻ em và kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm và phạm tội trong môi trường học đường.

- Phát huy vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng, sự phối hợp của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tùy theo đặc điểm kinh tế - xã hội từng địa phương, xây dựng các quy chế, quy ước về các chuẩn mực của mô hình gia đình văn hóa, hạnh phúc nhằm hạn chế nguyên nhân có thể làm phát sinh bạo lực, xâm hại trẻ em trong gia đình. Tiếp tục thực hiện, nhân rộng phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đến địa bàn dân cư; gắn kết tiêu chí về thực hiện quyền trẻ em với đánh giá nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Nâng cao năng lực và trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân người tham gia phòng, chống xâm hại trẻ em các cấp. Quy định cụ thể và nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hình sự, hôn nhân gia đình, pháp luật về BVCSGDTE, pháp luật về bình đẳng giới và pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em cho người dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh và làm tốt công tác tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động đối với các vụ án liên quan đến bạo lực, xâm hại trẻ em phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo thuận phong mỹ tục, để thông qua đó phổ biến pháp luật nói chung và pháp luật về hình sự, hôn nhân gia đình, bình đẳng giới, pháp luật về BVCSGDTE và pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em tới người dân.

- Nghiên cứu, đưa ra bộ chỉ số thống kê tội phạm xâm hại trẻ em để phục vụ công tác đấu tranh phòng chống; dự báo tình hình, từ đó có các giải pháp phòng ngừa, bảo vệ trẻ em trước những hành vi xâm hại, nhất là đối với nhóm trẻ có nguy cơ bị xâm hại cao.

- Cần quy định về quy trình, trách nhiệm đánh giá nguy cơ và quản lý trường hợp trẻ em bị xâm hại cũng như những quy định cụ thể về tiêu chuẩn đánh giá mức độ nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em của các hành vi bị xâm hại đối với trẻ em.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, tiêu chuẩn về bảo vệ trẻ em bị xâm hại; thống nhất hoạt động phối hợp liên ngành để xác minh, điều tra, xử lý



từng trường hợp trẻ em bị xâm hại, trong đó quy định rõ các thủ tục, quy trình và trách nhiệm phòng ngừa, phát hiện, tố giác, trợ giúp và giải quyết các trường hợp trẻ em bị xâm hại của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, nhà trường, gia đình, cá nhân và trẻ em.

- Tăng cường điều tra, xử lý tội phạm xâm hại tình dục trẻ em kết hợp với công tác đấu tranh, phòng ngừa vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên, học sinh và vận động nhân dân tố giác kịp thời các hành vi xâm hại trẻ em, trong đó khuyến khích trẻ em là nạn nhân và gia đình tố giác tội phạm. Đối với người phạm tội cần xử lý nghiêm minh, kịp thời đúng pháp luật, kiên quyết đấu tranh không để lọt tội phạm.

- Tăng cường công tác phòng ngừa nghiệp vụ nhằm ngăn chặn nguy cơ trẻ em bị xâm hại: làm tốt công tác nắm tình hình, nhất là nắm tình hình liên quan đến việc thực hiện quyền trẻ em của các tổ chức, cá nhân, kịp thời phát hiện các hành vi xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em. Tập trung thực hiện tốt công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng nhất là những đối tượng có tiền án, tiền sự về tội phạm xâm hại trẻ em. Phối hợp làm tốt công tác quản lý giáo dục, giúp đỡ đối với trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và số trẻ em vi phạm pháp luật. Tăng cường các biện pháp quản lý, giáo dục cộng đồng, giáo dục cá biệt đối với trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật, phòng ngừa nguy cơ trẻ em tái vi phạm hoặc bị lợi dụng, lôi kéo tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật. Xây dựng và sử dụng hiệu quả lực lượng cộng tác viên bí mật trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm xâm hại trẻ em, nhất là tội phạm mua bán trẻ em, hiếp dâm, giao cấu với trẻ em, đánh đập, hành hạ trẻ em. Tăng cường quản lý nhà nước về trật tự xã hội, thường xuyên kiểm tra các cơ sở hoạt động dịch vụ văn hóa để kịp thời phát hiện xử lý nghiêm đối với mọi hành vi tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy. Kiên quyết xử lý những tụ điểm phức tạp gây mất trật tự trị an, đặc biệt là các nhà hàng, quán Karaoke, điểm massage, quán internet có tổ chức hoặc cho người sử dụng truy cập vào những trang web xấu có nội dung khiêu dâm, kích động tình dục, kích động bạo lực, tuyên truyền lối sống phi đạo đức; tuyên truyền, nâng cao ý thức và nhận biết các trang mạng xã hội có nội dung không tốt, đồng thời kiên quyết xử lý các trang mạng xã hội đăng tải các nội dung bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.

- Quan tâm công tác phát hiện, tiếp nhận, xử lý các hành vi vi phạm và tội phạm liên quan đến trẻ em: thường xuyên làm tốt công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm và vi phạm pháp luật về trẻ em, nhất là tin báo, tố giác liên quan đến bạo lực, xâm hại trẻ em. Đẩy mạnh triển khai các chuyên đề đấu tranh với tội phạm xâm hại trẻ em. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn



chặn hành vi bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán trẻ em và tội phạm khác liên quan đến trẻ em. Triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ điều tra, khám phá các vụ án xâm hại trẻ em, khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Rà soát hồ sơ, xử lý dứt điểm các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em đang tồn đọng, chưa xử lý kịp thời; kiên quyết xử lý nghiêm các đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi bao che, chậm trễ, cố tình kéo dài hoặc không xử lý vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em.

- Cần xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động và chia sẻ thông tin giữa các Bộ, ngành Trung ương và giữa các sở, ngành, địa phương trong công tác phòng, chống và giải quyết các vụ việc xâm hại trẻ em khi vụ việc đang trong quá trình giải quyết. Cần có cơ chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan y tế, giáo dục, tư pháp với cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em để kịp thời phát hiện và xử lý hoặc hỗ trợ, bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng trước, trong và sau quá trình tố tụng.

- Cần thực hiện nghiêm các quy định về quy trình, thủ tục lập và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em và Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

- Đẩy mạnh công tác quản lý, giáo dục trong các trường học, giảm tình trạng bỏ học của học sinh. Trước mắt, cần tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục giới tính trong trường học phù hợp với từng cấp học, về lâu dài, cần thiết phải có chương trình môn học giới tính để giáo dục cho các em nhận thức đúng đắn, những cách cư xử phù hợp, tạo môi trường lành mạnh, bổ ích cho thanh thiếu niên.

- Tăng cường công tác hợp tác quốc tế giữa các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi thông tin cần thiết nhằm hỗ trợ các nạn nhân bị xâm hại, trường hợp cần thiết cần can thiệp đưa các em trở về với gia đình.

### **3. Giải pháp về nguồn lực**

- Đầu tư thích đáng về con người và cơ sở vật chất, phương tiện cho các lực lượng chủ chốt trong công tác phòng chống xâm hại trẻ em. Tăng nguồn ngân sách cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, đặc biệt bố trí ngân sách trong việc thực hiện các chương trình, kế hoạch theo từng giai đoạn.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo, điều hành và tổ giúp việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp nhằm thực hiện tốt việc phối hợp liên ngành trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.



## II. CÁC KIẾN NGHỊ

Từ kết quả giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh kiến nghị một số vấn đề sau:

### 1. Đối với Đảng

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong thực hiện Luật Trẻ em và công tác phòng, chống xâm hại trẻ em.

### 2. Đối với Quốc hội

Hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là các quy định có liên quan trong Bộ luật hình sự như đã đề cập ở trên. Sửa đổi, bổ sung pháp luật xử lý vi phạm hành chính để tăng mức xử phạt hành chính hành vi bạo lực đối với trẻ em. Quy định chế tài xử lý việc phản ánh vụ việc bạo lực, xâm hại, xâm hại tình dục trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng vi phạm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em.

### 2.3. Đối với Chính phủ

Chỉ đạo các Bộ, ngành, chính quyền địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em; chỉ đạo các ngành chức năng có hướng dẫn quy định nhiệm vụ, quyền hạn cho cán bộ chuyên trách làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp. Ban hành quy trình thống nhất liên ngành về can thiệp các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại từ khâu tiếp nhận thông tin, xác định nhu cầu can thiệp đến khâu kiểm tra, đánh giá, giám sát; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các thành phần tham gia.

### 2.4. Đối với các Bộ, ngành liên quan

- Cần có văn bản hướng dẫn, giải thích thống nhất về các khái niệm còn đang mâu thuẫn nhằm đảm bảo cách hiểu thống nhất và vận dụng đồng bộ trong thực tế. Ví dụ: khái niệm “*hành vi quan hệ tình dục khác*” là hành vi nhằm thỏa mãn nhu cầu tình dục của mình với người khác dưới những hình thức nhất định. Đây là một điểm mới của BLHS năm 2015. Chính vì sự thiếu hướng dẫn của pháp luật dẫn đến các cơ quan tiến hành tố tụng có cách hiểu khác nhau, làm kéo dài thời gian xử lý tội phạm hay bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

- Cần có văn bản hướng dẫn thống nhất về hành vi quy định tại điểm d tiểu mục 1 Mục III Phần B Thông tư liên tịch số: 01/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BNV hướng dẫn xác định hành vi dâm ô đối với trẻ em<sup>9</sup>. Đây là văn

<sup>9</sup> “Hành vi dâm ô đối với trẻ em... là sờ, bóp... vào những bộ phận kích thích tình dục của trẻ em hoặc buộc trẻ em phải có hành vi như sờ, bóp... vào những bộ phận kích thích tình dục của người đó hoặc của người khác nhưng không có việc giao cấu với trẻ em”.



bản này đã được ban hành cách đây 20 năm nhưng cũng không rõ ràng, không còn phù hợp với tình hình hiện nay.

- Cần sớm có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ điều tra, kiểm sát viên, thẩm phán về trình độ tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi để giải quyết các vụ án có liên quan đến người chưa thành niên trong đó có nhóm tội xâm phạm tình dục trẻ em. Thường xuyên tổ chức việc trao đổi, rút kinh nghiệm trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về xâm hại trẻ em trong liên ngành tư pháp. Đồng thời, quan tâm sắp xếp các cán bộ theo hướng chuyên sâu, có tính ổn định theo từng lĩnh vực công tác.

- Liên ngành các cấp cần chủ động xây dựng Quy chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan, trong công tác giải quyết các vụ án xâm hại tình dục trẻ em như chủ động phối hợp để xác minh, điều tra, xử lý từng trường hợp trẻ em bị xâm hại, trong đó quy định rõ các thủ tục, quy trình và trách nhiệm phòng ngừa, phát hiện, tố giác, trợ giúp và giải quyết các trường hợp trẻ em bị xâm hại của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, nhà trường, gia đình, cá nhân và trẻ em; với các cơ quan báo, chí đảm bảo bí mật thông tin cho nạn nhân, người thân của họ; việc đưa tin, bài các vụ nghiêm trọng đảm bảo mục tiêu tuyên truyền, phòng ngừa, nhận diện và tố giác tội phạm, tránh “đẩy nóng” sự việc gây bức xúc, hoang mang dư luận xã hội.

- Ban hành quy định công tác phối hợp liên ngành từ Trung ương đến địa phương về thực hiện Luật trẻ em.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em. Đoàn ĐBQH tỉnh báo cáo Đoàn Giám sát Quốc hội ./.

**Nơi nhận:** *VP*

- Ủy ban Tư pháp;
- Vụ Tư pháp - VPQH;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH;
- Các vị ĐBQH;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH;
- Lưu: VP, T.

**TM.ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
KT.TRƯỞNG ĐOÀN  
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



**Phạm Trọng Nhân**







| CÁC HÌNH THỨC XÂM HẠI TRẺ EM                          | SỐ LƯỢNG TRẺ EM BỊ XÂM HẠI           |                            |                             |                                  |                                       | KẾT QUẢ XỬ LÝ                          |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
|---|--------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--|
|   | Tổng số trẻ em bị xâm hại            | Theo giới tính             |                             | Theo độ tuổi                     |                                       |  | Tổng số trường hợp | Số trường hợp đã bị phát hiện, xử lý | Biện pháp xử lý                |                             |                             | Số trường hợp không phát hiện được đối tượng xâm hại |
|   |                                      | Số trẻ em bị xâm hại là nữ | Số trẻ em bị xâm hại là nam | Số trẻ em bị xâm hại dưới 6 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 6 đến 13 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 13 đến 16 tuổi |                    |                                      | Số trường hợp xử lý hành chính | Số trường hợp xử lý hình sự | Số trường hợp không khởi tố |  |
|   | (1) = (2) + (3) hoặc (4) + (5) + (6) | (2)                        | (3)                         | (4)                              | (5)                                   | (6)                                    | (7) = (8) + (12)   | (8) = (9) + (10) + (11)              | (9)                            | (10)                        | (11)                        | (12)   |
| Dâm ô trẻ em  | 02                                   | 02                         |                             | 02                               |                                       |  | 02                 | 02                                   |                                | 02                          |                             |  |
| Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác | 18                                   | 18                         |                             |                                  |                                       | 18                                     | 18                 | 18                                   |                                | 18                          |                             |  |
| Sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm        |                                      |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| 4. Mua bán trẻ em                                     | 01                                   | 01                         |                             |                                  |                                       | 01                                     | 01                 | 01                                   |                                | 01                          |                             |  |
| 5. Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em                              |                                      |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| 6. Đánh tráo trẻ em                                   |                                      |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| 7. Bắt cóc trẻ em                                     |                                      |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| 9. Các hành vi xâm hại khác                           |                                      |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |

Không có trường hợp trẻ em bị xâm hại là trẻ khuyết tật







| CÁC HÌNH THỨC XÂM HẠI TRẺ EM | SỐ LƯỢNG TRẺ EM BỊ XÂM HẠI |                            |                             |                                  |                                       |  | KẾT QUẢ XỬ LÝ      |                                      |                                |                             |                             |  |                                      |
|------------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------------------------|
|                              | Tổng số trẻ em bị xâm hại  | Theo giới tính             |                             | Theo độ tuổi                     |                                       |  | Tổng số trường hợp | Số trường hợp đã bị phát hiện, xử lý | Biện pháp xử lý                |                             |                             | Số trường hợp không phát hiện được đối tượng xâm hại |                                      |
|                              |                            | Số trẻ em bị xâm hại là nữ | Số trẻ em bị xâm hại là nam | Số trẻ em bị xâm hại dưới 6 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 6 đến 13 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 13 đến 16 tuổi |                    |                                      | Số trường hợp xử lý hành chính | Số trường hợp xử lý hình sự | Số trường hợp không khởi tố |  |                                      |
|                              |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  | (1) = (2) + (3) hoặc (4) + (5) + (6) |
| 4. Mua bán trẻ em            |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |                                      |
| 5. Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em     |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |                                      |
| 6. Đánh tráo trẻ em          |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |                                      |
| 7. Bắt cóc trẻ em            |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |                                      |
| 9. Các hành vi xâm hại khác  |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |                                      |
| Lừa đảo chiếm đoạt tài sản   | 01                         |                            | 01                          |                                  | 01                                    |  | 01                 | 01                                   | 01                             |                             |                             |  |                                      |

*Không có trường hợp trẻ em bị xâm hại là trẻ khuyết tật*





## PHỤ LỤC 01: SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH XÂM HẠI TRẺ EM NĂM 2017

(Kèm theo báo cáo số 366/BC-ĐDBQH ngày 12/12/2019 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Dương)

| CÁC HÌNH THỨC XÂM HẠI TRẺ EM      | SỐ LƯỢNG TRẺ EM BỊ XÂM HẠI |                            |                             |                                  |                                       |  | KẾT QUẢ XỬ LÝ      |                                      |                                |                             |                             |  |
|-----------------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--|
|                                   | Tổng số trẻ em bị xâm hại  | Theo giới tính             |                             | Theo độ tuổi                     |                                       |  | Tổng số trường hợp | Số trường hợp đã bị phát hiện, xử lý | Biện pháp xử lý                |                             |                             | Số trường hợp không phát hiện được đối tượng xâm hại |
|                                   |                            | Số trẻ em bị xâm hại là nữ | Số trẻ em bị xâm hại là nam | Số trẻ em bị xâm hại dưới 6 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 6 đến 13 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 13 đến 16 tuổi |                    |                                      | Số trường hợp xử lý hành chính | Số trường hợp xử lý hình sự | Số trường hợp không khởi tố |  |
|                                   |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>1. Bạo lực trẻ em</b>          | 01                         |                            | 01                          |                                  | 01                                    |  |                    | 01                                   |                                | 01                          |                             |  |
| Hành hạ, ngược đãi, đánh đập      |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| Xúc phạm danh dự, nhân phẩm       |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| Cố ý gây thương tích, giết trẻ em | 01                         |                            | 01                          |                                  | 01                                    |  |                    | 01                                   |                                | 01                          |                             |  |
| <b>2. Bóc lột trẻ em</b>          |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>3. Xâm hại tình dục trẻ em</b> | 36                         | 36                         |                             |                                  | 10                                    | 26                                     |                    | 35                                   | 01                             | 34                          | 01                          |  |
| Hiếp dâm trẻ em                   | 18                         | 18                         |                             |                                  | 08                                    | 10                                     |                    | 18                                   |                                | 18                          |                             |  |
| Cưỡng dâm trẻ em                  |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |





| CÁC HÌNH THỨC<br>XÂM HẠI TRẺ EM                             | SỐ LƯỢNG TRẺ EM BỊ XÂM HẠI      |  |   |  |  | KẾT QUẢ XỬ LÝ   |                             |   |  |   |   |   |
|---|---------------------------------|--|---|--|--|---|-----------------------------|---|--|---|---|---|
|   | Tổng số<br>trẻ em bị<br>xâm hại | Theo giới tính                         |   | Theo độ tuổi                                 |  |   | Tổng<br>số<br>trường<br>hợp | Số<br>trường<br>hợp đã bị<br>phát<br>hiện, xử<br>lý | Biện pháp xử lý                            |   |   | Số<br>trường<br>hợp<br>không<br>phát hiện<br>được đối<br>tượng<br>xâm hại |
|   |                                 | Số trẻ<br>em bị<br>xâm<br>hại là<br>nữ | Số trẻ<br>em bị<br>xâm<br>hại là<br>nam | Số trẻ<br>em bị<br>xâm hại<br>dưới 6<br>tuổi | Số trẻ<br>em bị<br>xâm hại<br>từ 6<br>đến 13<br>tuổi | Số trẻ<br>em bị<br>xâm hại<br>từ 13<br>đến 16<br>tuổi |                             |   | Số<br>trường<br>hợp xử<br>lý hành<br>chính | Số<br>trường<br>hợp xử<br>lý hình<br>sự | Số<br>trường<br>hợp<br>không<br>khởi tố |   |
|   |                                 |  |   |  |  |   |                             |   |  |   |   |   |
| Dâm ô trẻ em  | 04                              | 04                                     |   |  | 02   | 02  | 01                          | 03  | 01   | 03                                      |   |   |
| Giao cấu hoặc thực hiện<br>hành vi quan hệ tình dục<br>khác | 14                              | 14                                     |   |  |  | 14  |                             | 14  |  | 13                                      | 01                                      |   |
| Sử dụng trẻ em vào mục<br>đích mại dâm, khiêu dâm           |                                 |  |   |  |  |   |                             |   |  |   |   |   |
| <b>4. Mua bán trẻ em</b>                                    |                                 |  |   |  |  |   | 01                          |   |  |   |   |   |
| <b>5. Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em</b>                             |                                 |  |   |  |  |   |                             |   |  |   |   |   |
| <b>6. Đánh tráo trẻ em</b>                                  |                                 |  |   |  |  |   | 36                          |   |  |   |   |   |
| <b>7. Bắt cóc trẻ em</b>                                    |                                 |  |   |  |  |   | 18                          |   |  |   |   |   |
| <b>9. Các hành vi xâm hại khác</b>                          |                                 |  |   |  |  |   |                             |   |  |   |   |   |
| Cướp giật tài sản   | 01                              |  | 01                                      |  |  | 01  | 04                          | 01  |  | 01                                      |   |   |
|   |                                 |  |   |  |  |   | 14                          |   |  |   |   |   |



| CÁC HÌNH THỨC<br>XÂM HẠI TRẺ EM | SỐ LƯỢNG TRẺ EM BỊ XÂM HẠI              |  |   |  |  | KẾT QUẢ XỬ LÝ   |                             |   |  |   |   |   |
|---------------------------------|---|--|---|--|--|---|-----------------------------|---|--|---|---|---|
|                                 | Tổng số<br>trẻ em bị<br>xâm hại         | Theo giới tính                         |   | Theo độ tuổi                                 |  |   | Tổng<br>số<br>trường<br>hợp | Số<br>trường<br>hợp đã bị<br>phát<br>hiện, xử<br>lý | Biện pháp xử lý                            |   |   | Số<br>trường<br>hợp<br>không<br>phát hiện<br>được đối<br>tượng<br>xâm hại |
|                                 |   | Số trẻ<br>em bị<br>xâm<br>hại là<br>nữ | Số trẻ<br>em bị<br>xâm<br>hại là<br>nam | Số trẻ<br>em bị<br>xâm hại<br>dưới 6<br>tuổi | Số trẻ<br>em bị<br>xâm hại<br>từ 6<br>đến 13<br>tuổi | Số trẻ<br>em bị<br>xâm hại<br>từ 13<br>đến 16<br>tuổi |                             |   | Số<br>trường<br>hợp xử<br>lý hành<br>chính | Số<br>trường<br>hợp xử<br>lý hình<br>sự | Số<br>trường<br>hợp<br>không<br>khởi tố |   |
|                                 | (1) = (2) + (3)<br>hoặc (4) + (5) + (6) | (2)                                    | (3)                                     | (4)  | (5)  | (6)   | (7) = (8) + (12)            | (8) = (9) +<br>(10) + (11)                          | (9)  | (10)                                    | (11)                                    | (12)  |
|                                 |   |  |   |  |  |   |                             |   |  |   |   |   |
|                                 |   |  |   |  |  |   |                             |   |  |   |   |   |
|                                 |   |  |   |  |  |   |                             |   |  |   |   |   |
|                                 |   |  |   |  |  |   |                             |   |  |   |   |   |
|                                 |   |  |   |  |  |   |                             |   |  |   |   |   |
|                                 |   |  |   |  |  |   | 01                          |   |  |   |   |   |



Không có trường hợp trẻ em bị xâm hại là trẻ khuyết tật



**PHỤ LỤC 01: SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH XÂM HẠI TRẺ EM NĂM 2018**

(Kèm theo báo cáo số 366/BC-ĐDBQH ngày 12/12/2019 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Dương)

| CÁC HÌNH THỨC XÂM HẠI TRẺ EM      | SỐ LƯỢNG TRẺ EM BỊ XÂM HẠI |                            |                             |                                  |                                       | KẾT QUẢ XỬ LÝ                          |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
|-----------------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--|
|                                   | Tổng số trẻ em bị xâm hại  | Theo giới tính             |                             | Theo độ tuổi                     |                                       |  | Tổng số trường hợp | Số trường hợp đã bị phát hiện, xử lý | Biện pháp xử lý                |                             |                             | Số trường hợp không phát hiện được đối tượng xâm hại |
|                                   |                            | Số trẻ em bị xâm hại là nữ | Số trẻ em bị xâm hại là nam | Số trẻ em bị xâm hại dưới 6 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 6 đến 13 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 13 đến 16 tuổi |                    |                                      | Số trường hợp xử lý hành chính | Số trường hợp xử lý hình sự | Số trường hợp không khởi tố |  |
|                                   |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>1. Bạo lực trẻ em</b>          | 02                         | 01                         | 01                          | 01                               | 01                                    |  | 02                 | 01                                   | 01                             |                             |                             |  |
| Hành hạ, ngược đãi, đánh đập      | 02                         | 01                         | 01                          | 01                               | 01                                    |  |                    | 01                                   | 01                             |                             |                             |  |
| Xúc phạm danh dự, nhân phẩm       |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| Cố ý gây thương tích, giết trẻ em |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>2. Bóc lột trẻ em</b>          |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>3. Xâm hại tình dục trẻ em</b> | 40                         | 40                         | 04                          | 11                               | 25                                    |  | 39                 | 01                                   | 36                             | 02                          | 01                          |  |
| Hiếp dâm trẻ em                   | 17                         | 17                         | 02                          | 10                               | 05                                    |  | 17                 |                                      | 17                             |                             |                             |  |
| Cưỡng dâm trẻ em                  |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |





| CÁC HÌNH THỨC XÂM HẠI TRẺ EM                          | SỐ LƯỢNG TRẺ EM BỊ XÂM HẠI |                            |                             |                                  |                                       | KẾT QUẢ XỬ LÝ                          |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
|---|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--|
|   | Tổng số trẻ em bị xâm hại  | Theo giới tính             |                             | Theo độ tuổi                     |                                       |  | Tổng số trường hợp | Số trường hợp đã bị phát hiện, xử lý | Biện pháp xử lý                |                             |                             | Số trường hợp không phát hiện được đối tượng xâm hại |
|   |                            | Số trẻ em bị xâm hại là nữ | Số trẻ em bị xâm hại là nam | Số trẻ em bị xâm hại dưới 6 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 6 đến 13 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 13 đến 16 tuổi |                    |                                      | Số trường hợp xử lý hành chính | Số trường hợp xử lý hình sự | Số trường hợp không khởi tố |  |
|   |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| Dâm ô trẻ em  | 05                         | 05                         |                             | 02                               | 01                                    | 02                                     | 02                 | 04                                   | 01                             | 03                          |                             | 01   |
| Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác | 18                         | 18                         |                             |                                  |                                       | 18                                     | 02                 | 18                                   |                                | 16                          | 02                          |  |
| Sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm        |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>4. Mua bán trẻ em</b>                              |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>5. Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em</b>                       |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>6. Đánh tráo trẻ em</b>                            |                            |                            |                             |                                  |                                       |  | 40                 |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>7. Bắt cóc trẻ em</b>                              |                            |                            |                             |                                  |                                       |  | 17                 |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>9. Các hành vi xâm hại khác</b>                    |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
|   |                            |                            |                             |                                  |                                       |  | 05                 |                                      |                                |                             |                             |  |



| CÁC HÌNH THỨC<br>XÂM HẠI TRẺ EM | SỐ LƯỢNG TRẺ EM BỊ XÂM HẠI      |  |   |   |   | KẾT QUẢ XỬ LÝ   |                          |   |  |   |   |   |   |
|---------------------------------|---------------------------------|--|---|---|---|---|--------------------------|---|--|---|---|---|---|
|                                 | Tổng số<br>trẻ em bị<br>xâm hại | Theo giới tính                         |   | Theo độ tuổi                                    |   |   | Tổng số<br>trường<br>hợp | Số<br>trường<br>hợp đã bị<br>phát<br>hiện, xử<br>lý | Biện pháp xử lý                            |   |   | Số<br>trường<br>hợp<br>không<br>phát hiện<br>được đối<br>tượng<br>xâm hại |   |
|                                 |                                 | Số trẻ<br>em bị<br>xâm<br>hại là<br>nữ | Số trẻ<br>em bị<br>xâm<br>hại là<br>nam | Số trẻ<br>em bị<br>xâm<br>hại<br>dưới 6<br>tuổi | Số trẻ<br>em bị<br>xâm<br>hại từ<br>6 đến<br>13<br>tuổi | Số trẻ<br>em bị<br>xâm hại<br>từ 13<br>đến 16<br>tuổi |                          |   | Số<br>trường<br>hợp xử<br>lý hành<br>chính | Số<br>trường<br>hợp xử<br>lý hình<br>sự | Số<br>trường<br>hợp<br>không<br>khởi tố |   |   |
|                                 |                                 |  |   |   |   |   |                          |   |  |   |   |   | (1) = (2) + (3)<br>hoặc (4) + (5) + (6) |
|                                 |                                 |  |   |   |   |   | 18                       |   |  |   |   |   |   |
|                                 |                                 |  |   |   |   |   |                          |   |  |   |   |   |   |
|                                 |                                 |  |   |   |   |   |                          |   |  |   |   |   |   |
|                                 |                                 |  |   |   |   |   |                          |   |  |   |   |   |   |
|                                 |                                 |  |   |   |   |   |                          |   |  |   |   |   |   |
|                                 |                                 |  |   |   |   |   |                          |   |  |   |   |   |   |
|                                 |                                 |  |   |   |   |   |                          |   |  |   |   |   |   |



Không có trường hợp trẻ em bị xâm hại là trẻ khuyết tật







| CÁC HÌNH THỨC XÂM HẠI TRẺ EM                          | SỐ LƯỢNG TRẺ EM BỊ XÂM HẠI |                            |                             |                                  |                                       | KẾT QUẢ XỬ LÝ                          |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
|---|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--|
|   | Tổng số trẻ em bị xâm hại  | Theo giới tính             |                             | Theo độ tuổi                     |                                       |  | Tổng số trường hợp | Số trường hợp đã bị phát hiện, xử lý | Biện pháp xử lý                |                             |                             | Số trường hợp không phát hiện được đối tượng xâm hại |
|   |                            | Số trẻ em bị xâm hại là nữ | Số trẻ em bị xâm hại là nam | Số trẻ em bị xâm hại dưới 6 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 6 đến 13 tuổi | Số trẻ em bị xâm hại từ 13 đến 16 tuổi |                    |                                      | Số trường hợp xử lý hành chính | Số trường hợp xử lý hình sự | Số trường hợp không khởi tố |  |
| Dâm ô trẻ em  | 03                         | 03                         |                             |                                  | 02                                    | 01                                     | 03                 | 03                                   |                                | 03                          |                             |  |
| Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác | 09                         | 09                         |                             |                                  |                                       | 09                                     | 09                 | 09                                   |                                | 08                          | 01                          |  |
| Sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm        |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>4. Mua bán trẻ em</b>                              |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>5. Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em</b>                       |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>6. Đánh tráo trẻ em</b>                            |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |
| <b>7. Bắt cóc trẻ em</b>                              | 01                         |                            |                             | 01                               |                                       |  | 01                 |                                      |                                |                             |                             | 01   |
| <b>9. Các hành vi xâm hại khác</b>                    |                            |                            |                             |                                  |                                       |  |                    |                                      |                                |                             |                             |  |

Không có trường hợp trẻ em bị xâm hại là trẻ khuyết tật





**PHỤ LỤC 02**

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM (Từ ngày 01.01.2015 đến ngày 30.6.2019)**  
(Kèm theo báo cáo số 366/BC-ĐDBQH ngày 12/12/2019 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Dương)

**\* CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH**

| TT | Loại văn bản               | Tên văn bản  | Ngày tháng năm ban hành |
|----|----------------------------|--|-------------------------|
| 1  | Kế hoạch số 1385/KH-UBND   | Kế hoạch Tháng hành động vì trẻ em tỉnh Bình Dương năm 2015  | Ngày 07/5/2015          |
| 2  | Công văn số 410/UBND-VX    | Về việc thực hiện các hoạt động BVCSTE năm 2015  | Ngày 06/02/2015         |
| 3  | Công văn số 3943/UBND-VX   | Về việc tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình PCTTTTE giai đoạn 2013-2015 và chương trình thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 - 2015                     | Ngày 10/11/2015         |
| 4  | Kế hoạch số 782/KH-UBND    | Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 34/2014/Q Đ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Dương. | Ngày 20/3/2015          |
| 5  | Quyết định số 3058/QĐ-UBND | Quyết định phê duyệt chương trình thúc đẩy quyền tham gia trẻ em vào các vấn đề về trẻ em tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020  | Ngày 20/11/2015         |
| 6  | Công văn số 324/UBND-VX    | Về việc thực hiện các hoạt động BVCSTE năm 2016  | Ngày 04/02/2016         |
| 7  | Kế hoạch số 1296/KH-UBND   | Kế hoạch Tháng hành động vì trẻ em tỉnh Bình Dương năm 2016  | Ngày 04/5/2016          |
| 8  | Kế hoạch số 1297/KH-UBND   | Kế hoạch tổ chức Diễn đàn trẻ em tỉnh Bình Dương năm 2016  | Ngày 04/5/2016          |
| 9  | Công văn số                | Về việc tăng cường rà soát kiểm tra, xử lý vi  | Ngày                    |



|    |                            |   |                 |
|----|----------------------------|---|-----------------|
|    | 3176/UBND-VX               | phạm của các cơ sở sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức.   | 26/8/2016       |
| 10 | Quyết định số 2216/QĐ-UBND | Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Chương trình hành động vì trẻ em và Bình đẳng giới tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020   | Ngày 26/8/2016  |
| 11 | Quyết định số 2219/QĐ-UBND | Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình hành động vì trẻ em và Bình đẳng giới tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020 | Ngày 26/8/2016  |
| 12 | Quyết định số 882/QĐ-UBND  | Quyết định về việc phê duyệt chương trình Bảo vệ trẻ em tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020   | Ngày 15/4/2016  |
| 13 | Quyết định số 3329/QĐ-UBND | Quyết định phê duyệt chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020                                       | Ngày 02/12/2016 |
| 14 | Quyết định số 1128/QĐ-UBND | Quyết định phê duyệt chương trình phòng chống, tai nạn thương tích trẻ em tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020   | Ngày 13/5/2016  |
| 15 | Công văn số 389/UBND-VX    | Về việc thực hiện các hoạt động BVCSTE và Bình đẳng giới năm 2017   | Ngày 09/02/2017 |
| 16 | Kế hoạch số 1616/KH-UBND   | Kế hoạch Tháng hành động vì trẻ em tỉnh Bình Dương năm 2017   | Ngày 03/5/2017  |
| 17 | Kế hoạch số 1650/KH-UBND   | Kế hoạch tổ chức Diễn đàn trẻ em tỉnh Bình Dương năm 2017   | Ngày 03/5/2017  |
| 18 | Công văn số 1290/UBND-VX   | Về việc tăng cường công tác BVTE, thực hiện các giải pháp phòng chống xâm hại, bạo lực trẻ em   | Ngày 07/4/2017  |
| 19 | Công văn số 1356/UBND-VX   | Về việc tăng cường công tác phòng, chống tai nạn đuối nước trẻ em   | Ngày 12/4/2017  |
| 20 | Công văn số 5040/UBND-VX   | Về việc tăng cường công tác phòng, chống tai nạn đuối nước trẻ em trong mùa mưa bão, lũ   | Ngày 07/11/2017 |
| 21 | Công văn số                | Về việc tăng cường công tác chăm sóc, giáo  | Ngày            |



|    |                             |  |                    |
|----|-----------------------------|--|--------------------|
|    | 5446/UBND-VX                | dục và bảo vệ trẻ em   | 01/12/2017         |
| 22 | Công văn số<br>5585/UBND-VX | Về việc thực hiện Chi thị 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ                                  | Ngày<br>07/12/2017 |
| 23 | Công văn số<br>307/UBND-VX  | Về việc thực hiện các hoạt động BVCSTE và Bình đẳng giới năm 2018                            | Ngày<br>22/01/2018 |
| 24 | Kế hoạch số<br>1703/KH-UBND | Kế hoạch Tháng hành động vì trẻ em tỉnh Bình Dương năm 2018                                  | Ngày<br>24/4/2018  |
| 25 | Kế hoạch số<br>1702/KH-UBND | Kế hoạch tổ chức Diễn đàn trẻ em tỉnh Bình Dương năm 2018                                    | Ngày<br>24/4/2018  |
| 26 | Công văn số<br>1344/UBND-VX | Về việc tổ chức Hội nghị triển khai Luật trẻ em và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 | Ngày<br>03/04/2018 |
| 27 | Công văn số<br>5017/UBND-VX | Về việc thực hiện công tác bảo vệ trẻ em   | Ngày<br>22/10/2018 |
| 28 | Công văn số<br>2671/UBND-VX | Về việc Tăng cường giải pháp phòng chống bạo lực xâm hại trẻ em                              | Ngày<br>18/6/2018  |
| 29 | Kế hoạch số<br>5946/KH-UBND | Kế hoạch phòng chống đuối nước trẻ em tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 - 2020                  | Ngày<br>07/12/2018 |
| 30 | Công văn số<br>6032/UBND-VX | Về việc Tăng cường công tác BVTE, thực hiện các giải pháp phòng chống bạo lực trẻ em         | Ngày<br>12/12/2018 |
| 31 | Công văn số<br>285/UBND-VX  | Về việc thực hiện các hoạt động BVCSTE và Bình đẳng giới năm 2019                            | Ngày<br>18/01/2019 |
| 32 | Kế hoạch số<br>1651/KH-UBND | Kế hoạch Tháng hành động vì trẻ em tỉnh Bình Dương năm 2019                                  | Ngày<br>17/4/2019  |
| 33 | Công văn số<br>1066/UBND-VX | Về việc thực hiện triển khai thực hiện Thông tư số 36/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - TBXH | Ngày<br>14/3/2019  |
| 34 | Công văn số<br>2009/UBND-VX | Về việc đẩy mạnh triển khai chương trình bơi an toàn phòng, chống đuối nước trẻ em năm 2019  | Ngày<br>06/5/2019  |
| 35 | Công văn số                 | Về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống  | Ngày               |



|    |                           |   |                 |
|----|---------------------------|---|-----------------|
|    | 1658/UBND-VX              | đuổi nước trẻ em  | 17/4/2019       |
| 36 | Công văn số 5040/SNN-PCTT | Về việc tăng cường công tác phòng, ngừa rủi ro thiên tai liên quan đến nước cho trẻ em trong mùa mưa lũ   | Ngày 08/5/2019  |
| 37 | Công văn số 1249/UBND-VX  | Về việc thực hiện công tác trẻ em năm 2019  | Ngày 25/3/2019  |
| 38 | Công văn số 1798/UBND-VX  | Về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành chế độ hỗ trợ cộng tác viên làm công tác BVCSTE và BDG ở các khu ấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương   | Ngày 24/4/2019  |
| 39 | Kế hoạch số 792/KH-UBND   | Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 06/Q Đ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 1 năm 2019 - 2022. | Ngày 27/02/2019 |
| 40 | Kế hoạch số 824/KH-UBND   | Kế hoạch thực hiện đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019 - 2025   | Ngày 28/02/2019 |
| 41 | Quyết định số 434/QĐ-UBND | Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương  | Ngày 26/02/2019 |





**PHỤ LỤC 03**  
**TÌNH HÌNH BỐ TRÍ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**  
**LĨNH VỰC BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM TỪ 2015-2019**  
*(Kèm theo báo cáo số 366/BC-ĐDBQH ngày 12/12/2019 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Dương)*

| Nội dung chi  | Tổng cộng  | Năm 2015  |            |               | Năm 2016  |            |               | Năm 2017  |            |               | Năm 2018  |            |               | Ước TH năm 2019 |            |               |
|---|------------|-----------|------------|---------------|-----------|------------|---------------|-----------|------------|---------------|-----------|------------|---------------|-----------------|------------|---------------|
|   |            | Tổng số   | Vốn Đầu tư | Vốn sự nghiệp | Tổng số   | Vốn Đầu tư | Vốn sự nghiệp | Tổng số   | Vốn Đầu tư | Vốn sự nghiệp | Tổng số   | Vốn Đầu tư | Vốn sự nghiệp | Tổng số         | Vốn Đầu tư | Vốn sự nghiệp |
| <b>I. Chi lĩnh vực y tế</b>   | 607,489    | 109,325   | 0          | 109,325       | 116,496   | 0          | 116,496       | 124,621   | 0          | 124,621       | 126,189   | 0          | 126,189       | 130,858         | 0          | 130,858       |
| 1. Chi mua thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi  | 517,444    | 93,921    |            | 93,921        | 99,683    |            | 99,683        | 106,799   |            | 106,799       | 107,079   |            | 107,079       | 109,962         |            | 109,962       |
| 2. Chi Dự án tiêm chủng mở rộng và Dự án Dân số và Phát triển thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế - Dân số (bao gồm cả vốn ngoài nước).   | 90,045     | 15,404    |            | 15,404        | 16,813    |            | 16,813        | 17,822    |            | 17,822        | 19,110    |            | 19,110        | 20,896          |            | 20,896        |
| <b>II. Chi giáo dục đào tạo</b>   | 22,216,920 | 3,800,910 | 1,217,581  | 2,583,329     | 4,213,890 | 1,364,855  | 2,849,035     | 4,420,648 | 981,836    | 3,438,812     | 4,674,329 | 999,741    | 3,674,588     | 5,107,143       | 1,234,999  | 3,872,144     |
| Chi đầu tư và chi thường xuyên cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông   | 0          | 0         |            |               | 0         |            |               | 0         |            |               | 0         |            |               | 0               |            |               |
| Tổng chi NSNN cho giáo dục đào tạo và dạy nghề  | 22,216,920 | 3,800,910 | 1,217,581  | 2,583,329     | 4,213,890 | 1,364,855  | 2,849,035     | 4,420,648 | 981,836    | 3,438,812     | 4,674,329 | 999,741    | 3,674,588     | 5,107,143       | 1,234,999  | 3,872,144     |
| <b>Trong đó chi tiết thực hiện một số chính sách, chương trình liên quan đến trẻ em</b>   | 9,604,675  | 1,658,249 | 0          | 1,658,249     | 1,652,680 | 0          | 1,652,680     | 1,529,359 | 0          | 1,529,359     | 1,678,416 | 0          | 1,678,416     | 3,085,971       | 0          | 3,085,971     |
| - Chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho đối tượng học sinh, sinh viên con TBLS, vùng sâu, xa, hộ nghèo  | 145,894    | 32,443    |            | 32,443        | 31,980    |            | 31,980        | 32,826    |            | 32,826        | 24,113    |            | 24,113        | 24,532          |            | 24,532        |
| - Chi hỗ trợ các địa phương thực hiện các chính sách phát triển giáo dục ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn   | 0          | 0         |            |               | 0         |            |               | 0         |            |               | 0         |            |               | 0               |            |               |
| - Chi hỗ trợ học bổng, hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập... để thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật   | 2,490      | 420       |            | 420           | 490       |            | 490           | 490       |            | 490           | 530       |            | 530           | 560             |            | 560           |
| - Chi chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú  | 0          | 0         |            |               | 0         |            |               | 0         |            |               | 0         |            |               | 0               |            |               |
| - Chi thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề thông qua Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và một số CTMT giai đoạn 2016-2020 (Hỗ trợ giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động | 9,456,291  | 1,625,386 | 0          | 1,625,386     | 1,620,210 | 0          | 1,620,210     | 1,496,043 | 0          | 1,496,043     | 1,653,773 | 0          | 1,653,773     | 3,060,879       | 0          | 3,060,879     |
| + CTMTQG xây dựng nông thôn mới.  | 9,414,943  | 1,623,136 |            | 1,623,136     | 1,606,489 |            | 1,606,489     | 1,484,536 |            | 1,484,536     | 1,645,478 |            | 1,645,478     | 3,055,304       |            | 3,055,304     |
| + CTMTQG Giảm nghèo (miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập)   | 30,540     | 0         |            |               | 11,685    |            | 11,685        | 8,985     |            | 8,985         | 6,285     |            | 6,285         | 3,585           |            | 3,585         |
| + CTMT Hỗ trợ giáo dục vùng vùng dân tộc thiểu vùng khó khăn.   | 0          | 0         |            |               | 0         |            |               | 0         |            |               | 0         |            |               | 0               |            |               |
| + CTMT Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động.   | 10,808     | 2,250     |            | 2,250         | 2,036     |            | 2,036         | 2,522     |            | 2,522         | 2,010     |            | 2,010         | 1,990           |            | 1,990         |
| <b>III. Chi đảm bảo xã hội</b>  | 627,636    | 142,732   | 0          | 142,732       | 151,944   | 0          | 151,944       | 159,182   | 0          | 159,182       | 163,471   | 0          | 163,471       | 10,307          | 0          | 10,307        |
| 1. Chi trợ cấp hàng tháng trẻ em mồ côi, khuyết tật, con người đơn thân thuộc hộ nghèo... theo các Nghị định của Chính phủ (NĐ 136)   | 590,167    | 140,519   |            | 140,519       | 143,739   |            | 143,739       | 150,409   |            | 150,409       | 155,500   |            | 155,500       | 0               |            | 0             |
| 2. Chi trợ cấp học bổng hàng tháng và trợ cấp 1 lần đối với học sinh, sinh viên con TBLS  | 0          | 0         |            |               | 0         |            |               | 0         |            |               | 0         |            |               | 0               |            | 0             |
| 3. Chi sự nghiệp bảo vệ trẻ em bố trí trong dự toán ngành LĐTBXH  | 37,469     | 2,213     | 0          | 2,213         | 8,205     | 0          | 8,205         | 8,773     | 0          | 8,773         | 7,971     | 0          | 7,971         | 10,307          | 0          | 10,307        |
| - Chi thực hiện các Chương trình, đề án đã được T/T ban hành  | 36,089     | 1,913     |            | 1,913         | 7,935     |            | 7,935         | 8,503     |            | 8,503         | 7,701     |            | 7,701         | 10,037          |            | 10,037        |
| - Chi hỗ trợ hoạt động Quỹ Bảo trợ trẻ em (nếu có)  | 1,380      | 300       |            | 300           | 270       |            | 270           | 270       |            | 270           | 270       |            | 270           | 270             |            | 270           |



|   |                   |                  |                  |                  |                  |                  |                  |                  |                |                  |                  |                |                  |                  |                  |                  |
|---|-------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|----------------|------------------|------------------|----------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| 4. Chi Chương trình phát triển hệ thống trợ giúp xã hội | 0                 | 0                |                  |                  | 0                |                  |                  | 0                |                |                  | 0                |                | 0                |                  |                  |                  |
| Trong đó: Dự án phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em       | 0                 | 0                |                  |                  | 0                |                  |                  | 0                |                |                  | 0                |                | 0                |                  |                  |                  |
| <b>IV. Chi lĩnh vực văn hóa có liên quan đến trẻ em</b> | <b>0</b>          | <b>0</b>         | <b>0</b>         | <b>0</b>         | <b>0</b>         | <b>0</b>         | <b>0</b>         | <b>0</b>         | <b>0</b>       | <b>0</b>         | <b>0</b>         | <b>0</b>       | <b>0</b>         | <b>0</b>         | <b>0</b>         |                  |
| 1. Chi Chương trình MTQG về văn hoá (1)                 | 0                 | 0                | 0                | 0                | 0                | 0                | 0                | 0                | 0              | 0                | 0                | 0              | 0                | 0                | 0                |                  |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>23,452,045</b> | <b>4,052,967</b> | <b>1,217,581</b> | <b>2,835,386</b> | <b>4,482,330</b> | <b>1,364,855</b> | <b>3,117,475</b> | <b>4,704,451</b> | <b>981,836</b> | <b>3,722,615</b> | <b>4,963,989</b> | <b>999,741</b> | <b>3,964,248</b> | <b>5,248,308</b> | <b>1,234,999</b> | <b>4,013,309</b> |

Ghi chú: - Tổng chi NSNN cho giáo dục đào tạo và dạy nghề năm 2018 (gồm tuyến tỉnh và 04 huyện, thị, tp); Năm 2019 (gồm tuyến tỉnh và 02 huyện, thành phố)  
 - CMTQG xây dựng nông thôn mới: lấy theo báo cáo số 2626/STC-NS ngày 26/8/2019 (chỉ lấy vốn NS); số liệu không tách ra cho nội dung GD và DT